

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

MST: 0900613295

===== * * * =====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

NĂM 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		600,384,194,694	373,451,473,595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10,637,403,700	2,413,161,764
1. Tiền	111		2,219,638,782	2,413,161,764
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,417,764,918	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323,091,601,414	180,071,276,232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	297,284,013,645	144,731,628,576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	31,591,995,517	40,617,257,375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	170,307,004	170,307,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(5,954,714,752)	(5,447,916,723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	264,391,097,420	189,308,570,558
1. Hàng tồn kho	141		264,391,097,420	189,308,570,558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,264,092,160	1,658,465,041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	391,597,478	156,790,422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,815,528,017	1,444,707,954
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192,679,568,714	199,317,367,201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14,540,000,000	15,000,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	14,540,000,000	15,000,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		65,256,271,780	72,622,392,861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	62,927,226,705	69,381,982,316
- Nguyên giá	222		129,951,513,328	131,860,358,313
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(67,024,286,623)	(62,478,375,997)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,329,045,075	3,240,410,545
- Nguyên giá	225		4,860,615,825	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(2,531,570,750)	(1,620,205,280)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	56,654,844,987	56,654,844,987
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	2,405,165,450	700,000,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,405,165,450	700,000,000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	53,003,533,569	53,003,533,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		819,752,928	1,336,595,784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	819,752,928	1,336,595,784
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		793,063,763,408	572,768,840,796

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		435,927,840,762	245,856,009,573
I. Nợ ngắn hạn	310		435,102,840,762	244,412,259,573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	211,209,557,754	31,801,895,235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	869,135,407	705,701,109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10,470,773,409	757,349,219
4. Phải trả người lao động	314		307,961,003	264,293,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	143,528,380	326,212,388
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	8,136,000	25,763,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	211,854,135,959	210,531,045,622
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		825,000,000	1,443,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		825,000,000	1,443,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357,135,922,646	326,912,831,223
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	357,135,922,646	326,912,831,223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	255,000,000,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bổ sung	411B		280,499,680,000	255,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76,080,216,948	71,912,831,223
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37,514,116,175	66,352,574,239
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,566,100,773	5,560,256,984
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		793,063,763,408	572,768,840,796

Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thị Hải Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Quý III năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		48,458,592,227	6,960,388,757
2. Điều chỉnh cho các khoản		17,288,767,565	14,817,885,195
+ Khấu hao tài sản cố định		4,545,910,626	8,457,832,490
+ Các khoản dự phòng		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(113,373,006)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		112,277,800	(4,521,921,015)
+ Chi phí lãi vay		12,630,579,139	10,995,346,726
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65,747,359,792	21,778,273,952
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(158,898,636,142)	91,323,999,077
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(75,082,526,862)	(20,492,866,108)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		198,304,400,994	(25,134,299,829)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		282,035,800	(908,448,910)
- Tiền lãi vay đã trả		(12,630,579,139)	(10,995,346,726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(884,724,657)	(364,111,520)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		168,000,000	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		17,005,329,786	55,207,199,936
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(1,588,431,687)	(48,274,617,523)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1,762,225,450)	(80,500,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác		94,600,000	286,000,000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(100,000,000,000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	51,471,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79,193,763	48,882,477
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành		-	-
3. Tiền thu từ đi vay		395,513,021,341	313,060,914,933
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(394,189,931,004)	(314,748,050,118)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(618,750,000)	(618,750,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7,896,996,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7,192,656,163)	(2,305,885,185)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8,224,241,936	4,626,697,228
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2,413,161,764	1,221,168,629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		10,637,403,700	5,847,865,857

Kế toán trưởng

6


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2021
Chủ tịch HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT
Hà Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chi Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243,572,615,891	141,689,087,014	833,688,916,548	592,891,592,166
2. Các khoản giảm trừ	02		2,227,615	-	190,094,095	196,628,874
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		243,570,388,276	141,689,087,014	833,498,822,453	592,694,963,292
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	206,266,434,943	135,730,830,035	765,937,921,640	572,079,271,620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37,303,953,333	5,958,256,979	67,560,900,813	20,615,691,672
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,804,219	1,495,031	79,193,763	4,670,089,052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3,920,405,535	1,378,638,474	13,065,485,436	11,106,153,953
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,920,405,535	1,378,638,474	12,630,579,139	10,995,346,726
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	369,315,529	681,169,634	1,263,300,718	2,061,564,943
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	639,157,188	1,219,875,586	4,397,038,119	3,977,120,824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		32,376,879,300	2,680,068,316	48,914,270,303	8,140,941,004
11. Thu nhập khác	31	VI.7	62,869,184	31,712,386	73,459,040	94,860,716
12. Chi phí khác	32	VI.8	91,318,475	136,657,778	529,137,116	1,275,412,963
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(28,449,291)	(104,945,392)	(455,678,076)	(1,180,552,247)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32,348,430,009	2,575,122,924	48,458,592,227	6,960,388,757
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6,503,728,742	540,991,511	9,808,491,454	1,677,569,957
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Từ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2021

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	25,844,701,267	2,034,131,413	38,650,100,773	5,282,818,800
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	79.77	1,515.69	207.17
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10			

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2021



Chủ tịch HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT
Hà Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý III năm 2021**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 49 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.500.471.941	325.411.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	719.166.841	2.087.750.073
Các khoản tương đương tiền	8.417.764.918	
Cộng	10.637.403.700	2.413.161.764

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng</i>		
Cộng	297.284.013.645	144.731.628.576

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Cộng	31.591.995.517	40.617.257.375

4. Phải thu khác:**a. Phải thu ngắn hạn khác:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	0	0
Ký quỹ, ký cược	170.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Cộng	170.307.004	170.307.004

b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Cộng	14.540.000.000	15.000.000.000

5. Nợ xấu

<i>Các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Dư Nợ 131	487.104.409	234.904.173	487.104.409	243.552.204
Công ty CP Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.132	443.864.265	221.932.132
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	12.972.041	43.240.144	21.620.072
Dư nợ 331	230.256.155	115.128.078	230.256.155	115.128.077
Công ty CP Cơ điện và PCC Thái Dương	230.256.155	115.128.077	230.256.155	115.128.077
Cộng	717.360.564	350.032.252	717.360.564	856.830.281

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.001.595.594	1.097.465.711
Công cụ, dụng cụ	56.728.227	398.473.067
Thành phẩm	3.039.899.787	10.332.375.079
Hàng đang đi đường	3.097.176.555	0
Hàng hóa	257.195.697.257	177.480.256.701
Cộng	264.391.097.420	189.308.570.558

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	162.020.739	83.752.428
Tiền thuê đất năm 2021	143.564.400	
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	86.012.339	73.037.994
Cộng	391.597.478	156.790.422

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	406.182.461	1.127.809.667
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	413.570.467	208.786.117
Cộng	819.752.928	1.336.595.784

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	2.196.153.802	700.000.000
Công trình dự án Nhà hàng – Khách sạn	2.196.153.802	700.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	209.011.648	
Máy cắt tấm	209.011.648	0
Cộng	2.405.165.450	700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị. dụng cụ quản lý	Tài sản cố định Khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm		67.536.703.854	54.466.457.767	6.945.362.727	293.308.980	504.310.000	129.746.143.328
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)			205.370.000				205.370.000
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)							
Số cuối kỳ		67.536.703.854	54.671.827.767	6.945.362.727	293.308.980	504.310.000	129.951.513.328
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng							
Chờ thanh lý							
Giá trị hao mòn							
Số đầu kỳ		18.307.283.220	40.527.530.443	5.427.219.206	293.308.980	420.258.334	64.975.600.183
Khấu hao		730.325.970	1.054.747.629	263.612.841			2.048.686.440
Giảm khấu hao							
Số cuối kỳ		19.037.609.190	41.582.278.072	5.690.832.047	293.308.980	420.258.334	67.024.286.623
Giá trị còn lại							
01/07/2021		49.229.420.634	13.938.927.324	1.518.143.521	-	84.051.666	64.770.543.145
30/09/2021		48.499.094.664	13.089.549.695	1.254.530.680	-	84.051.666	62.927.226.705

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
Giá trị hao mòn				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thừa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng, diện tích 1052.2 m ² (1)	25.073.061.987	-	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất thừa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng, diện tích 2002.9 m ² (2)	31.581.783.000	-	31.581.783.000
Cộng	56.654.844.987	-	56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng Thừa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (nay là thừa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 11 năm 2010 cho Công ty Cổ phần bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thừa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (nay là thừa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/07/2016 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết	53.003.533.569	-	-	-
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569	-	-	-

Tại thời điểm 30/09/2021. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	211.209.557.754	31.801.895.235

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	869.135.407	705.701.109

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		23.829.364	19.564.490	19.564.490		23.829.364
Thuế xuất, nhập khẩu		33.137.301				33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.555.735.259		9.808.491.454	884.724.657	631.968.462	
Thuế TNCN	407.774.825		387.974.825		19.800.000	
Thuế nhà đất	287.128.800		585.658.792	298.529.992		
Lệ Phí môn bài			4.000.000	4.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	220.134.525		114.553.768		105.580.757	
Cộng	10.470.773.409	56.966.665	10.920.243.329	1.206.819.139	757.349.219	56.966.665

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả ngắn hạn khác**a. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	143.528.380	326.212.388

b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	8.136.000	25.133.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	0	630.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	0	0
Cộng	8.136.000	25.763.000

16. Vay và nợ thuê tài chính:**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:**

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	119.947.143.890	119.947.143.890	118.572.444.078	118.572.444.078
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	91.081.992.069	91.081.992.069	91.133.601.544	91.133.601.544
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả				
Cộng	211.854.135.959	211.854.135.959	210.531.045.622	210.531.045.622

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD1002020198 ngày 06 tháng 11 năm 2020. Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VNĐ, mục đích để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L-C và chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 01 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến hết ngày 05/11/2020, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 33/2021/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 26 tháng 02 năm 2021 Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VNĐ, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đồng kinh doanh thép các loại. Khoản vay có thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/02/2021 đến hết ngày 26/02/2022. lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)</i>	119.919.935.713	119.919.935.713	118.572.444.078
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)</i>	90.485.269.910	90.485.269.910	91.133.601.544
Cộng	210.405.205.623	210.405.205.623	209.706.045.622

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)</i>	825.000.000	825.000.000	1.443.750.000	1.443.750.000
Cộng	825.000.000	825.000.000	1.443.750.000	1.443.750.000

(iii) Là khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2019. Tài sản thuê: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton. nhãn hiệu AMADA. xuất xứ Nhật Bản. sản xuất năm 2010. chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.

- Mục đích sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ bao gồm VAT. số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ.

- Giá trị nợ thuê gốc: 3.300.000.000 VNĐ.

- Thời hạn cho thuê 48 tháng.

- Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 3 tháng/lần, nợ lãi 3 tháng/lần.

- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ: 1.650.000.000 VNĐ.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.650.000.000	618.750.000		2.268.750.000
Cộng	1.650.000.000	618.750.000		2.268.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	255.000.000.000		71.912.831.223	326.912.831.223
Tăng vốn từ LNST	25.499.680.000		(25.499.680.000)	
Chia cổ tức			(7.896.996.500)	(7.896.996.500)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển		556.025.698	(556.025.698)	
Trích lập quỹ phúc lợi			(278.012.850)	(278.012.850)
Chi trả tiền thù lao 2020			(168.000.000)	(168.000.000)
Trích lập tiền thù lao 2021			(84.000.000)	(84.000.000)
Lợi nhuận	-		38.650.100.773	38.650.100.773
Số dư cuối kỳ này	280.499.680.000	556.025.698	76.080.216.948	357.135.922.646

b) Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.049.968	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	827.703.645.767	568.408.934.764
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.127.607.143	4.009.616.356
Doanh thu khác	857.663.638	344.706.365
Cộng	833.688.916.548	572.763.257.485

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Hàng bán bị trả lại	171.840.335	196.628.874
Giảm giá hàng bán	18.253.760	
Cộng	190.094.095	196.628.874

20. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	759.061.689.255	560.290.665.258
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.876.232.385	11.788.606.362
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
Cộng	765.937.921.640	572.079.271.620

21. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.193.763	48.882.477
Lãi bán các khoản đầu tư		4.474.533.569
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		33.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại		113.373.006
Cộng	79.193.763	4.670.089.052

22. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Chi phí lãi vay	12.630.579.139	11.261.518.026
Chiết khấu thanh toán. lãi mua hàng trả chậm		155.364.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	434.906.297	
Cộng	13.065.485.436	11.106.153.953

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Chi phí bán hàng

Chi tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Chi phí cho nhân viên	532.014.000	945.301.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.080.808	18.727.272
Chi phí nguyên vật liệu	1.215.839	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	352.531.701	352.531.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.318.333	665.581.642
Chi phí bằng tiền khác	254.140.037	79.423.328
Cộng	1.263.300.718	2.061.564.943

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Chi phí cho nhân viên	905.440.000	1.272.619.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.420.049	67.998.322
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	579.654.216	720.197.648
Thuế, phí và lệ phí	17.901.192	20.951.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.000.001	48.040.912
Chi phí bằng tiền khác	2.365.824.632	1.847.313.727
Trích lập dự phòng	506.798.029	
Hoàn nhập dự phòng		
Cộng	4.397.038.119	3.977.120.824

25. Thu nhập khác

Chi tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Thu nhập khác	73.459.040	94.860.716
Cộng	73.459.040	94.860.716

26. Chi phí khác

Chi tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Tiền phạt thuế, phí lệ phí		837.816.715
Chi phí khác	252.579.361	311.518.749
Chi phí khấu hao, chi phí không hợp lệ		126.077.499
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	276.557.755	
Cộng	529.137.116	1.275.412.963

27. Lãi trên cổ phiếu*Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

Chi tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.650.100.773	5.282.818.800
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu	28.049.968	25.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2021	Lũy kế quý III năm 2020
phổ thông đang lưu hành trong kỳ		
Lãi cơ bản/ trên cổ phiếu	1.378	207

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2021

Cao Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT